

Biểu mẫu 10

PHÒNG GD&ĐT ĐÔNG T RIỀU
TRƯỜNG THCS THỦY AN

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2020 - 2021

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	236	67	70	43	56
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	200 84,75%	55 82,09%	58 82,86%	40 93,02%	47 83,93%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	34 14,41%	12 17,91%	11 15,71%	3 6,98%	8 14,29%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	2 0,85%	0	1 1,43%	0	1 1,79
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	236	67	70	43	56
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	52 22,03%	15 22,39%	18 25,71%	13 30,23%	6 10,71%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	91 38,56%	29 43,28%	26 37,14%	14 32,56%	22 39,29%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	92 38,98%	22 32,84%	26 37,14%	16 37,21%	28 50%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	1 0,42%	1 1,49%	0	0	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	236	67	70	43	56
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	236 100%	67 100%	70 100%	43 100%	56 100%
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	52 22,03%	15 22,39%	18 25,71%	13 30,23%	6 10,71%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	91 38,56%	29 43,28%	26 37,14%	14 32,56%	22 39,29%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	1 0,42%	1 1,49%	0	0	0

3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	5/5	0/1	2/0	1/2	2/2
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện	12	1	4	5	2
2	Cấp tỉnh/thành phố	2		2		
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp					
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	56	0	0	0	56
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	6 10,71%				6 10,71%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	22 39,29%				22 39,29%
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	28 50%				28 50%
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	121/115	30/37	31/29	21/22	29/27
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	2	2	0	0	1

Thủy An, ngày 05 tháng 10 năm 2021
Thủ trưởng đơn vị

Đào Thị Lan

